ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Quy định về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với một số trường hợp hàng hóa, dịch vụ đặc thù



Giấy phép xuất bản số: 234 /GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ cấp ngày 12/5/2026
XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN

Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng - hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025

Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố Cần Thơ xin giới thiệu Quy định về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với một số trường hợp hàng hóa, dịch vụ đặc thù như sau:

Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác ngoài các điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định 181/2025/NĐ-CP, cơ sở xuất khẩu hàng hóa phải có tài liệu chứng minh việc đã xuất bán hàng hóa ở ngoài Việt Nam. Trong đó:

1. Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài:

Cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa phải có tài liệu chứng minh việc đã xuất bán hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: hợp đồng ký với nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử để bán hàng hóa trên sàn thương mại điện tử ở nước ngoài

(việc giao dịch bán hàng giữa cơ sở kinh doanh và người mua ở nước ngoài phải đáp ứng đầy đủ các quy định về giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên sàn thương mại điện tử ở nước ngoài theo quy định của pháp luật thương mại, pháp luật thương mại điện tử và pháp luật về giao dịch điện tử); hóa đơn bán hàng hóa; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (trường hợp cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa ủy quyền cho tổ chức trung gian là các nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử thu hộ tiền từ người mua ở nước ngoài thì việc thanh toán ủy quyền phải được quy định trong hợp đồng với nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử); tờ khai đã hoàn thành thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan khi gửi hàng ra nước ngoài; tài liệu chứng minh giao hàng cho người mua ở nước ngoài; phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa (nếu có).



2. Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa đã gửi tại kho ngoại quan ở nước ngoài:

Cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa phải có tài liệu chứng minh việc đã xuất bán hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: hợp đồng xuất khẩu hàng hóa; hợp đồng ủy thác xuất khẩu; hóa đơn bán hàng hóa; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai đã hoàn thành thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan khi gửi hàng ra nước ngoài; tài liệu chứng minh giao hàng cho người nhập khẩu ở nước ngoài (tờ khai đã hoàn thành thủ tục hải quan khi xuất hàng để giao cho người mua của quốc gia gửi hàng hoặc tài liệu chứng minh hàng hóa đã bán tại kho ngoại quan); phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa (nếu có).

3. Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài:

Cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa phải có tài liệu chứng minh việc đã xuất bán hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, nếu thu và chuyển về nước bằng tiền mặt ngoại tệ tại nước tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, cơ sở kinh doanh phải có

chứng từ kê khai với cơ quan hải quan về tiền ngoại tệ thu được do bán hàng hóa chuyển về nước và chứng từ nộp tiền vào ngân hàng tại Việt Nam.

4. Đối với hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế:

Cơ sở kinh doanh phải có tài liệu chứng minh việc hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly, cửa hàng miễn thuế; cơ sở kinh doanh phải có Bảng kê hàng hóa đã bán cho khách xuất cảnh tại khu vực cách ly, cửa hàng miễn thuế theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 181/2025/NĐ-CP.



5. Đối với sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài:

Cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ phải có hồ sơ, tài liệu chứng minh dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 17 Nghị định 181/2025/NĐ-CP và có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

6. Đối với hàng hóa gia công chuyển tiếp để xuất khẩu là hàng hóa gia công chuyển tiếp theo quy định của pháp luật thương mại và pháp luật về quản lý ngoại thương:

Hợp đồng gia công xuất khẩu và các phụ lục hợp đồng (nếu có) ký với nước ngoài, trong đó ghi rõ cơ sở nhận hàng tại Việt Nam; hóa đơn giá trị gia tăng ghi rõ giá gia công và số lượng hàng gia công trả nước ngoài (theo giá quy định trong hợp đồng ký với nước ngoài) và tên cơ sở nhận hàng theo chỉ định của bên nước ngoài; phiếu chuyển giao sản phẩm gia công chuyển tiếp (gọi tắt là Phiếu chuyển tiếp) có đủ xác nhận của bên giao, bên nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp; hàng hóa gia công cho nước ngoài phải thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật; tờ khai hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.



7. Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan:

Có hợp đồng xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp hàng hóa, vật tư do cơ sở kinh doanh xuất khẩu để thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài, ngoài quy định tại mục 7 nêu trên, cơ sở kinh doanh phải đáp ứng các điều kiện sau:

Tờ khai hải quan; hàng hóa, vật tư xuất khẩu phải phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu để thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài do Giám đốc doanh nghiệp Việt Nam thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài phê duyệt; hợp đồng ủy thác xuất khẩu (trường hợp ủy thác xuất khẩu).

9. Trường hợp cơ sở kinh doanh có hàng hóa xuất khẩu đã có xác nhận của cơ quan hải quan nhưng không có đủ các thủ tục, hồ sơ khác về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định đối với từng trường hợp cụ thể quy định tại Mục này

Thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, không phải tính thuế giá trị gia tăng đầu ra. Riêng đối với trường hợp hàng hóa gia công chuyển tiếp, nếu không có đủ các thủ tục, hồ sơ về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định thì phải tính và nộp thuế giá trị gia tăng như hàng hóa tiêu thụ nội địa. Đối với cơ sở kinh doanh có dịch vụ xuất khẩu nếu không đáp ứng điều kiện về thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, không phải tính thuế giá trị gia tăng đầu ra.

